

Đơn vị: Trường tiểu học Mạo Khê A

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương: 622 Loại 490 Khoản 492

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đông Triều, ngày 03 tháng 04 năm 2022

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2023

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ quyết định số: 298/QĐ-PGD&ĐT ngày 27 tháng 12 năm 2022 của phòng Giáo dục & Đào tạo thị xã Đông Triều "Về việc giao dự toán ngân sách năm 2023";

Trường Tiểu học Mạo Khê A công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I năm 2023 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2023	Thực hiện quý I năm 2023	Thực hiện quý I/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý I nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0	0		
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Học phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0		0
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.931.000.000	1.019.249.274	26	1,60
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.931.000.000	1.019.249.274	26	1,60
<u>1</u>	<u>Chi thanh toán cho cá nhân</u>	<u>3.108.500.000</u>	<u>748.728.482</u>	24	1,17
	Mục 6000: Tiền lương	1.674.287.200	403.838.704	24	0,63
	Mục 6050: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng				-
	Mục 6100: Phụ cấp lương	920.652.800	233.382.683	25	0,37
	Mục 6200: Tiền thưởng	14.500.000		0	-

	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	10.000.000	1.275.000	13	0,00
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	489.060.000	107.907.695	22	0,17
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		2324400		0,00
<u>2</u>	<u>Chi nghiệp vụ chuyên môn</u>	<u>612.500.000</u>	<u>221.282.592</u>	36	0,35
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	50.617.000	46.370.548	92	0,07
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	85.353.000	9.870.344	12	0,02
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	24.780.000	5.445.000	22	0,01
	Mục 6650: Hội nghị	22.000.000		0	-
	Mục 6700: Công tác phí	20.500.000	2.400.000	12	0,00
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	82.500.000	15.555.600	19	0,02
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	165.000.000	71.705.000	43	0,11
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	64.500.000		0	-
	Mục 7000: Chí phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	97.250.000	69.936.100	72	0,11
<u>3</u>	<u>Các khoản chi khác</u>	<u>210.000.000</u>	<u>49.238.200</u>	23	0,08
	Mục 7750: Chi khác	210.000.000	49.238.200	23	0,08
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-			#DIV/0!
	Phụ cấp lương				
	Học bổng , hỗ trợ khác cho học sinh sinh viên... công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.				#DIV/0!

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Thị Hải Thu

3753927400
(177.072.600)